

TOÀ ÁN ND HUYỆN YÊN THẾ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC GIANG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 22/2019/DSST

Ngày 22/ 8/2019

V/v: *Tranh chấp hợp đồng dân sự
mua bán tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ - BẮC GIANG

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Hữu Luyện
- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hải Đăng
2. Ông Lục Việt Sang
- *Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Lê Hồng Thảo Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:* Ông Vi Văn Cảnh- Kiểm sát viên

Ngày 22/8/2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST-DS ngày 05/4/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐST-DS ngày 22/7/2019 giữa các đương sự.

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (Có mặt)

Địa chỉ: Bản C, xã TT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: 1. Ông Đặng Danh Q, sinh năm 1961 (Có đơn xin vắng mặt)

2. Bà Vũ Thị L, sinh năm 1963 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn TB, xã Đ V, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ông Đỗ Trọng T, sinh năm 1968 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Bản C, xã TT, huyện YT, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H trình bày: Do có quan hệ quen biết

và bà làm nghề buôn bán cám gia súc, gia cầm nên vợ chồng Ông Đặng Danh Q, Bà Vũ Thị L có lấy cám về chăn nuôi lợn gà từ năm 2011 đến năm 2013. Đến tháng ngày 03/6/2013 thì không lấy cám nữa và chốt còn nợ lại tiền cám là 25.580.000 đồng từ đó đến nay bà vào đòi nhiều lần mà ông Q bà L khất lần không trả. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông Q, phải trả tôi toàn bộ số nợ gốc là 25.580.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 03/6/2013.

Lời khai của bị đơn thể hiện:

Bà Vũ Thị L trình bày: Vào năm 2011 đến năm 2013 vợ chồng bà có chăn nuôi lợn nên có lấy cám của Bà Nguyễn Thị H nhưng do chăn nuôi thô lỗ nên không lấy cám của bà Hồng nữa nữa và trả dần cho đến ngày 03/6/2013 chốt sổ và còn nợ lại bà Hồng số tiền là 25.580.000 đồng. Từ đó đến nay bà đã trả làm nhiều lần với tổng số tiền 13.220.000 đồng, cụ thể các lần như sau: ngày 30/7 trả 1.000.000 đồng; 25/8 trả 5.000.000 đồng; 30/8 trả 1.800.000 đồng; 15/9: trả 500.000 đồng; 25/9 trả 12 cân bí với giá 120.000 đồng; 30/10 trả 1.500.000 đồng; 05/11 tôi trả 2.000.000 đồng; một lần không nhớ ngày không nhớ tháng trả: 300.000 đồng các lần trả trên bà không nhớ trả năm nào. Đến nay còn nợ bà Hồng số tiền là 12.360.000đ. Nay bà Hồng yêu cầu vợ chồng bà phải trả 25.580.000 đồng và tính lãi kể từ ngày 03/6/2013 bà chỉ đồng ý trả 12.360.000 đồng.

Ông Đặng Danh Q trình bày: Gia đình ông có lấy cám của anh Tuyền, chị Hồng từ năm 2011 đến tháng 6 năm 2013 thì không lấy nữa hai bên chốt nợ là 25.580.000đ, ông có trả nhiều lần với số tiền là 13.220.000đ, đến nay còn nợ lại chị Hồng là 12.360.000đ.

Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Trọng T trình bày: Trước đây anh và chị Hồng có bán thức ăn chăn nuôi gia súc khoảng năm 2011 có bán cám chăn nuôi cho vợ chồng ông Q, bà L và hẹn là sau mỗi lứa lợn sẽ trả tiền cám, đến ngày 03/6/2013 hai bên chốt nợ là 25.580.000đ. Sau đó ông Q, bà L có trả được hay không ông không nắm được, năm 2015 ông và bà H đã ly hôn tại Tòa án. Khi ly hôn ông và bà H đã thỏa thuận nợ của bà L, ông Q là cho bà H đòi, nay ông không có ý kiến gì và không yêu cầu gì cho bản thân mình, ông thấy vụ án không liên quan đến mình lên từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật như xác định đúng thẩm quyền giải

quyết vụ án; xác định đúng tranh chấp; đúng tư cách tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng; thủ tục thụ lý vụ án;

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn: Chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn: Chấp hành đúng với quy định Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa chấp hành đúng quy định tại Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chấp hành đúng quy định của pháp luật tại Điều 70, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 143; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Xử: buộc bà L, ông Q phải thanh toán cho bà Hồng số tiền gốc là 25.460.000đ và tiền lãi phát sinh.

Ông Q, bà L phải chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Tòa án nhân dân huyện Yên Thế nhận định

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Danh Q và ông Đỗ Trọng T có đơn xin xét xử vắng mặt do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Q, ông Tuyến

[2] Về nội dung: Đối với số tiền gốc 25.580.000đ, ông Q, bà L có giao kết hợp đồng mua bán tài sản với chị Hồng với nội chị Hồng có cung cấp cam chăn nuôi cho ông Q, bà Lan, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 03/6/2013 hai bên chốt số nợ là 25.580.000đ, chị Hồng, ông Q, bà L đều thống nhất số nợ này.

Quá trình trả nợ phía bị đơn cho rằng đã trả bà H số tiền là 13.220.000đ, phía nguyên đơn cho rằng chỉ lấy của bị đơn 12 cân bí với giá 120.000đ đề nghị đối trừ vào khoản tiền gốc 25.580.000đ, số còn lại đề nghị ông Q, bà L trả cho bà, ngoài ra bà không được phía bị đơn thanh toán khoản tiền nào khác. Tòa án thấy rằng phía bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho việc trả tiền cho nguyên đơn, chỉ cung cấp được bảng kê trả tiền do bà L lập, không có chữ ký của bà Hồng do đó ý

kiến về việc trả nợ của bị đơn là không có căn cứ, nên xác định số nợ ông Q, bà L còn lại là 25.460.000đ.

[3] Đối với tiền lãi: Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 03/6/2013 đến nay tính tròn là 74 tháng là 25.460.000đ x 0,75%/tháng x 74 tháng = 14.130.300đ. Hội đồng xét xử thấy rằng căn cứ Khoản 3, Điều 440 Bộ luật dân sự khi bên mua mua chậm trả nợ thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả việc chi Hồng yêu cầu tính lãi là 0,75%/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự do đó được chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Ông Q, bà L cùng mua thức ăn chăn nuôi, để chăn nuôi phục vụ mục đích kinh tế phát triển chung; ông Tuyên và bà Hồng đã ly hôn và đã thống nhất khoản nợ của ông Q, chị Lan do bà Hồng có quyền yêu cầu trả nợ, ông Tuyên không yêu cầu gì, do vậy cần buộc ông Q, bà L trả nợ cho bà Hồng khoản nợ gốc là 25.460.000đ và lãi là 14.130.300đ

[5] Đề đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án cần áp dụng Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Yêu cầu của bà Hồng là có căn cứ được chấp nhận nên không phải chịu án phí.

Ông Q, bà L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2, Điều 26 Nghị quyết 326/UBTVH.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 430, Điều 440, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 2 Luật thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị H buộc Ông Đặng Danh Q và Bà Vũ Thị L phải thanh toán cho Bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 25.460.000đ và lãi là 14.130.300đ tổng cộng là 39.590.300đ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Ông Đặng Danh Q và Bà Vũ Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.979.515đ;

Bà Hồng không phải chịu án phí, hoàn trả bà Hồng số tiền án phí là 950.000đ tại biên lai thu số AA/2014/ 0004346, ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại Chi cục Thi hành án huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Thế;
- Chi cục THADS huyện Yên Thế;
- Lưu HS./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Luyện